TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BA ĐỒN** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 18 - 10 - 2019
V/v tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Hoàng Chí Tình

2. Bà: Trần Thị Ngọc Lan.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Thị Như Bình **-** Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình

Ngày 18 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2019/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích L - Sinh năm: 1985

Nơi cư trú: tổ dân phố C, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Quốc T - Sinh năm: 1985

Nơi cư trú: Khu phố 3, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt, đề ngày 03/9/2019).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20 tháng 8 năm 2019 và bản tự khai cũng như tại phiên toà, nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Bích L trình bày: Chị và anh Trần Quốc T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q (Nay là phường Q, thị xã B), tỉnh Quảng Bình vào ngày 28 tháng 10 năm 2010. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ

chồng tính tình không hợp, anh T không quan tâm gì đến gia đình và vợ con. Mặc dù đã được chị L khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh T vẫn không thay đổi. Vì vậy, chị và anh T sống ly thân từ tháng 10 năm 2017 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm của mình đối với anh T không còn nên nguyện vọng của chị L là mong muốn được ly hôn với anh T để sớm ổn định cuộc sống.

Quá trình chung sống chị và anh T có 01 con chung là Trần Nguyễn Bảo S, sinh ngày 15 tháng 5 năm 2017. Sau ly hôn, chị có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung do chị L cho rằng chị có thu nhập ổn định, có khả năng nuôi dưỡng con chung.

Trong thời gian chung sống, vợ chồng anh chị chưa tôn tạo được tài sản chung gì; anh chị không vay nợ của ai cũng như không cho ai vay nợ. Vì vậy, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với khối tài sản riêng: tại đơn trình bày của anh T (đề ngày 03/9/2019) và lời trình bày của chị L đều thống nhất vợ chồng có khối tài sản riêng, cụ thể: Quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 26, tờ bản đồ số 11, số BĐ 173607, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00197 do Ủy ban nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 22/12/2010 là tài sản riêng của anh T và quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 94 tại phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình là tài sản riêng của chị Liên.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập cho anh T theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do không tự chủ động được về mặt thời gian nên anh T đã viết đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh. Trong đơn trình bày đề ngày 03/9/2019 anh T đều thống nhất như lời khai của chị L về các vấn đề liên quan đến nội dung vụ án: về quan hệ tình cảm; con chung; tài sản chung và tài sản riêng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Bích L có đơn yêu cầu xin ly hôn với anh Trần Quốc T; anh T có nơi cư trú tại phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B.

Mặt khác, bản thân anh Trần Quốc T nhận thấy mình không thể chủ động được về thời gian để có thể trực tiếp tham gia giải quyết vụ án đúng theo sự triệu tập của Tòa án, do đó anh T đã có đơn trình bày nguyện vọng xin được xét xử vắng mặt anh. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xét xử vụ án vắng mặt anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Bích L và anh Trần Quốc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên quan hệ hôn nhân của hai người là hoàn toàn hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Quá trình giải quyết vụ án, chị L kiên quyết xin được ly hôn với anh T. Mặt khác, tại đơn đề nghị ly hôn vắng mặt của mình, anh T cũng thể hiện rõ sự đồng ý của mình đối với yêu cầu xin ly hôn mà chị L đã khởi kiện.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị L và anh T là trầm trọng, không thể hàn gắn, hòa giải được, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Bích L, áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Nguyễn Thị Bích L được ly hôn với anh Trần Quốc T là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về quan hệ con chung:

Trong quá trình chung sống, chị Nguyễn Thị Bích L và anh Trần Quốc T có một con chung, tên là Trần Nguyễn Bảo S, sinh ngày 15 tháng 5 năm 2017. Xét thấy, cháu Sơn hiện đang dưới 36 tháng tuổi, hiện đang sống cùng chị L, chị L có nguyện vọng xin được nuôi con. Tại đơn đề nghị yêu cầu ly hôn vắng mặt của anh T, anh T cũng đồng ý giao con cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó cần căn cứ vào khoản 3 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình giao con cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về quan hệ tài sản chung:

Các bên đương sự thống nhất khai nhận vợ chồng không có tài sản chung; không nợ tài sản cảu cá nhân, tổ chức nào và không ai nợ tài sản của anh chị.

Về tài sản riêng: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp, lời khai của chị L trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa và nội dung đơn trình bày của anh T (đề ngày 03/9/2019) thể hiện anh T và chị L có khối tài sản riêng là quyền sử dụng đất, cụ thể như sau:

Quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 26, tờ bản đồ số 11, số BĐ 173607, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00197 do Ủy ban nhân dân

huyện Q, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 22/12/2010 là tài sản riêng của anh T và quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 94 tại phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình là tài sản riêng của chị L.

Xét thấy lời trình bày, khai nhận của các bên đương sự thống nhất với nhau về khối tài sản riêng, không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận.

[5] Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Bích L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, khoản 3 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xét xử vụ án vắng mặt anh Trần Quốc T.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích L, xử cho chị Nguyễn Thị Bích L được ly hôn với anh Trần Quốc T.

3. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Bích L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Trần Nguyễn Bảo S, sinh ngày 15 tháng 5 năm 2017. Anh Trần Quốc T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về quan hệ tài sản:

Về tài sản chung: Các bên đương sự thống nhất không có tài sản chung.

Về tài sản riêng: Ghi nhận sự thỏa thuận, thống nhất của các đương sự anh Trần Quốc T và chị Nguyễn Thị Bích L, xác định: Quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 94 tại phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình là tài sản riêng của chị Nguyễn Thị Bích L. Quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 26, tờ bản đồ số 11, số BĐ 173607, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00197 do

Ủy ban nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 22/12/2010 là tài sản riêng của anh Trần Quốc T.

5. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Bích L phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* mà chị đã nộp trước đây tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002443 ngày 20 tháng 8 năm 2019. Chị L đã nộp đủ tiền án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Anh Tuấn

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- UBND phường Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.